

Ngày 30 tháng 01 năm

Thay củ cải bằng súp lơ xanh

**I. Tiêu chuẩn được chi**

STT	Diễn giải	Số xuất ăn	Tiêu chuẩn được chi			Ghi chú
			Gạo	Tổng số	Tiền	
1	Cơm mẫu giáo	46		920.000	20.000	Bữa chính: Trứng, tôm, thịt, cà rốt đào bóng. Thịt xào củ cải. Cạnh bắp cải nấu thịt
2	Cơm nhà trẻ (bữa chính trưa nhà trẻ)	13		130.000	10.000	Bữa phụ NT: Sữa bột Vinamilk.
3	Bữa phụ+ chính chiều nhà trẻ	13		130.000	10.000	Bữa phụ MG: Sữa bột Vinamilk + Cháo chim câu, thịt đậu xar
	<b>Cộng</b>	59		1.180.000		Bữa chính chiều: Cháo chim câu, thịt đậu xanh

Thực đơn:

Bữa chính: Trứng, tôm, thịt, cà rốt đào bóng. Thịt xào củ cải.  
Cạnh bắp cải nấu thịt  
Bữa phụ NT: Sữa bột Vinamilk.  
Bữa phụ MG: Sữa bột Vinamilk + Cháo chim câu, thịt đậu xar  
Bữa chính chiều: Cháo chim câu, thịt đậu xanh

**II. Thức ăn trong ngày**

Số TT	TÊN THỰC PHẨM	Đơn giá	Bữa chính trưa mẫu giáo		Bữa chính trưa nhà trẻ		Bữa phụ mẫu giáo		Bữa phụ nhà trẻ		Bữa chính chiều nhà trẻ		Tổng cộng	
			SL	Tiền	SL	Tiền	SL	Tiền	SL	Tiền	SL	Tiền	SL	Tiền
1	Gạo bắc thơm	20	4.200	84.000	880	17.600	700	14.000			200	4.000	5.980	119.600
2	Hành củ	50	60	3.000	10	500	20	1.000			10	500	100	5.000
3	Nước mắm Lâm báo	68	60	4.080	10	680	20	1.360			10	680	100	6.800
4	Đầu ăn Neptune	55	170	9.350	90	4.950	50	2.750			30	1.650	340	18.700
5	Bột canh Thiên Hưm	19	0	0	0	0	0	0			0	0	0	0
6	Sữa Vinamilk	255	0	0	0	0	320	81.600	100	25.500	0	0	420	107.100
7	Hạt nêm Neptune	52	60	3.120	10	520	20	1.040			10	520	100	5.200
8	Nếp cái hoa vàng	30					220	6.600			80	2.400	300	9.000
9	Đậu xanh	52					150	7.800			50	2.600	200	10.400
11	Hành hoa	37	70	2.590	30	1.110	0	0			0	0	100	3.700
12	Mỡ lợn	80	0	0	115	9.200	0	0			0	0	115	9.200
14	Trứng vịt	62	2.400	148.800	600	37.200	0	0			0	0	3.000	186.000
15	Thịt nạc	145	1.030	149.350	180	26.100	600	87.000			250	36.250	2.060	298.700
17	Cà rốt	18	410	7.380	90	1.620	0	0			0	0	500	9.000
18	Tôm 30-40con/kg	345	320	110.400	80	27.600	0	0			0	0	400	138.000
19	Súp lơ xanh	25	1.500	37.500	400	10.000	0	0			0	0	1.900	47.500
20	Bắp cải	12	1.700	20.400	500	6.000	0	0			0	0	2.200	26.400
21	Chim câu		0	0	0	0	370	130.240			130	45.760	500	176.000
22	Rau mùi	37	0	0	0	0	70	2.590			30	1.110	100	3.700
	<b>Cộng</b>			579.970		143.080		335.980		25.500		95.470	100	1.180.000

**III. Phần quyết toán trong ngày**

\* Số tiền được chi trong ngày:

\* Số tiền đã chi:

\* Số tiền còn thừa: 0 €

1.180.000 đồng

1.180.000 đồng

\* Số tiền chi vượt: 0 đồng

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Tuyết Lan

NGƯỜI PHỤ TRÁCH

*Nguyễn Thị Tuyết Lan*